

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-PT.

Ngày: 12 - 01 - 2023.

**V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 129/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 22/TB-TA ngày 25 tháng 12 năm 2022, giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn T; địa chỉ ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn P; địa chỉ ấp C, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn N; địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2022).

3. *Người làm chứng*: Chị Trần Y; địa chỉ ấp M, thị trấn C, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày: Anh Nguyễn P có vay của nguyên đơn 04 cây vàng 24^k có viết giấy tay và có sự chứng kiến của anh Anh Tr vào ngày 24 tháng 02 năm 2014. Đến năm 2015, anh P trả lại 02 cây vàng 24^k cho bà T. Sau đó anh P bỏ địa phương để đi làm ở Bình Dương, không trả lại 02 cây vàng 24^k còn nợ cho bà T. Nguyên đơn có đòi anh P về việc trả lại số vàng còn thiếu, anh P chỉ đồng ý trả 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) trừ hết giá trị 02 cây vàng 24^k; bà T không đồng ý vì vay bằng vàng thì phải trả lại bằng vàng, nên khởi kiện buộc anh Nguyễn P phải trả nợ 02 cây vàng 24^k, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Nguyễn P trình bày: Anh P xác nhận giấy viết tay do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký tên. Nhưng anh viết tờ giấy đó cho ông Nguyễn T là ba vợ của Đặng Th, anh Th là bà con bên vợ của anh P. Anh không biết bà Nguyễn T lấy tờ giấy này từ đâu và cho rằng tờ giấy nhận nợ không có tên bà T. Anh P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T.

Người làm chứng anh Anh Tr và bà Lâm T trình bày: Người làm chứng xác nhận chứng kiến sự việc vào ngày 25 tháng giêng năm 2014 (âm lịch) tức ngày 24 tháng 02 năm 2014, Nguyễn P có vay của bà Nguyễn T 04 cây vàng 24^k, đến năm 2015 có trả cho bà T 02 cây vàng 24^k, hiện nay còn nợ 02 cây vàng 24^k.

Người làm chứng chị Trần Y trình bày: Chị Trần Y có gửi cho mẹ là bà Nguyễn T 02 cây vàng 24^k; Mẹ chị có cho anh Nguyễn P vay 04 cây, trong đó có 02 cây chị gửi. Theo chị Y số vàng này chị gửi cho mẹ chị thì mẹ chị chịu trách nhiệm. Mẹ chị cho anh P vay chị không có ý kiến gì; anh P vay của mẹ chị Y thì có trách nhiệm trả cho mẹ của chị, chị không yêu cầu trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn P phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn T 02 (hai) cây vàng 24^k.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bị đơn không có vay vàng của nguyên đơn, biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp là của bị đơn ký tên nhưng vay vàng của ông Nguyễn T là cha vợ của Đặng Th (anh Đặng Th là em vợ của anh P). Chứng cứ theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn cung cấp là USB có đoạn ghi âm tại buổi hòa giải của Tòa án nhân dân huyện H khi anh P trình bày về Biên nhận giấy nợ thì bà T có xen vào nói “*tao lấy từ nhà mày*”. Ngoài ra có lời khai người làm chứng là anh Đặng Th có lời khai anh P có nợ cha vợ anh là Nguyễn T 04 cây vàng đã trả được 02 cây vàng còn nợ lại là 02 cây vàng chưa trả. Từ nội dung nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn; không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp quyền sở ghi nợ và đã được cho đại diện ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn N đối chiếu với giấy nợ mà bị đơn thừa nhận ký tên. Đại diện ủy quyền của bị đơn cũng đã thừa nhận các đường nét cắt, xé trong sổ ghi nợ và giấy ghi nợ là trùng khớp nhau, nhưng theo anh Nam sổ này phổ biến thông dụng ngoài thị trường nên nguyên đơn có thể làm thay đổi cho phù hợp với giấy ghi nợ, nên chưa khẳng định được giấy ghi nợ này xuất phát từ quyền sở của nguyên đơn cung cấp.

Người làm chứng Trần Y cho rằng trong số vàng bà T cho anh P vay có vàng của chị gửi cho bà T. Bà T là người đang quản lý số vàng nên bà T có quyền định đoạt; anh P vay của bà T thì có nghĩa vụ trả cho bà T, chị không yêu cầu gì trong vụ án này. Việc anh P cho rằng bị lạc mất biên nhận giấy nợ tại sao thời điểm biết bị mất giấy nợ không trình báo sự việc cho chính quyền được biết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án; Bị đơn thừa nhận giấy ghi nợ mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết và ký tên. Nhưng bị đơn nại ra lý do viết biên nhận nợ cho người khác, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có cơ sở chấp nhận. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định tư cách tham gia tố tụng của chị Trần Y: Theo trình bày của nguyên đơn Nguyễn T Thì trong 04 cây vàng thể hiện trong giấy ghi nợ của bị đơn có 02 cây vàng của chị Y gửi. Hội đồng xét xử hôm nay có triệu tập chị Y tham gia phiên tòa để làm rõ. Qua trình bày của chị Y tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bà T; Tuy nhiên theo chị Y chị gửi vàng cho bà T thì bà T là người đang quản lý số vàng nên bà T có quyền định đoạt; anh P vay vàng trực tiếp từ bà T thì có nghĩa vụ trả cho bà T, chị không yêu cầu gì trong vụ án này. Từ lời khai của chị Y tại phiên tòa Hội đồng xét xử đưa chị tham gia với tư cách là người làm chứng mà không xác định chị Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp giữa chị Y và bà T nếu có phát sinh tranh chấp thì thành vụ kiện khác.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy ghi nợ tại bút lục 21 do nguyên đơn cung cấp có nội dung thể hiện “Tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn P ngụ tại ấp Thạnh Mỹ C xã Bình Thành

có dai của bác Xuôi 4 cây vàng 24 kr...” được bị đơn Nguyễn P thừa nhận do bị đơn viết và ký tên. Lời khai của người làm chứng là bà Lâm T là mẹ của anh P và anh Anh Tr là em của anh P thừa nhận bà Nguyễn T là sui gia với bà Tua và là bác sui của anh P; Theo bà Tua và anh Triều đều trình bày bị đơn có vay của nguyên đơn 04 cây vàng 24^k và đã trả cho nguyên đơn 02 cây vàng. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp quyển sổ ghi nợ để đối chiếu; qua đối chiếu quyển sổ với giấy ghi nợ tại bút lục 21 cho thấy quyển sổ bên trong có mẫu quy hiệu Tổng liên đoàn được đóng dấu bên phải của từng trang giấy và trên giấy ghi nợ cũng được in quy hiệu nêu trên các đường nét cắt, xé trong sổ đối chiếu với giấy ghi nợ trùng là khớp nhau và điều này đã được đại diện ủy quyền của bị đơn thừa nhận. Với các chứng cứ nêu trên và thừa nhận ký tên vào giấy ghi nợ của bị đơn có cơ sở xác định giấy ghi nợ nguyên đơn cung cấp (bút lục 21) là do bị đơn vay vàng và ghi nợ là cho bà T là có căn cứ.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng viết giấy ghi nợ vay vàng cho ông Nguyễn T không phải vay vàng của bà T. Xét thấy, ông Nguyễn T là cha vợ của Đặng Th và ông Đặng Th là em vợ của anh P. Theo bị đơn trình bày, ông Tuấn đã chết nên không thể cho lời khai, chỉ duy nhất có anh Đặng Th có bản tự khai; Tuy nhiên đến giai đoạn phúc thẩm đại diện ủy quyền của bị đơn mới cung cấp nhưng là bản photo. Lời khai của bị đơn anh P và lời khai của em vợ là anh Th trình bày không trùng khớp nhau. Tại biên bản phiên tòa anh P khai do đã trả nợ cho ông Tuấn nên lấy giấy nợ về, trong khi đó bản tự khai photo của ông Thương khai anh P đã trả cho ông Tuấn 02 cây còn nợ lại 02 cây chưa trả. Từ cơ sở trên nên lời khai này của anh P và anh Th chưa có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với chứng cứ đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp là đoạn ghi âm tại buổi hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện H về phần trình bày của đương sự. Xét thấy, đoạn ghi âm chưa được sự đồng ý cho phép của chủ tọa phiên hòa giải, giọng nói trong đoạn ghi âm chưa rõ ràng, chưa được cấp có thẩm quyền và pháp luật thừa nhận về giá trị pháp lý của đoạn ghi âm, nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ trên xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên không được chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ; áp dụng

khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn P.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn anh Nguyễn P phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn T 02 (hai) cây vàng 24^k.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn P phải chịu 5.050.000^d (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn P phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00082648 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 12/01/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải